

Bản án số: 41/2021/HS-ST

Ngày: 07/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ -TỈNH HÀ TĨNH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hữu Hợi và ông Trương Văn T.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị TrAg Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 45 phút, ngày 07 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở- Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2021/TLST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên **Bùi Đức T**, sinh ngày 15/10/1995; Giới tính: Nam.

Tại xã Tượng S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn Phú S, xã Tượng S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Bùi Đức T, sinh năm 1969 và bà Dương Thị H (đã chết).

Ah, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có.

***Tiền án, tiền sự:** Không.

***Biện pháp ngăn chặn:** Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giam kể từ ngày 19/4/2021 đến nay hiện đAg bị tạm giam tại Trại tạm giam Công A tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt tại phiên toà)

****Người bị hại:***

1. Ah **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1978; Nghề nghiệp: Kinh doAh cầm đồ;

Nơi cư trú: Thôn Yên L, xã Thạch T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

(Ah C có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Ah **PhA Như H**, sinh năm 1977; Nghề nghiệp: Kinh doAh cầm đồ;

Nơi cư trú: Xóm H, xã Thạch H, T phố H, tỉnh Hà Tĩnh.(Ah H có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi cư trú: Thôn Yên L, xã Thạch T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(Chị T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)
 2. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi cư trú: Thôn Yên L, xã Thạch T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(Chị N có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)
 3. Ah **Nguyễn Bá A**, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Kinh doanh cầm đồ.
Nơi cư trú: Thôn Văn S, xã Đinh B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
 4. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Yên L, xã Thạch T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(Chị T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)
 5. Ah **Bùi Đức T**, sinh năm 1998; Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Phú S, xã Tượng S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
 6. Ah **Dương Văn T1**, sinh năm 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Phú S, xã Tượng S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(Ah T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)
 7. Ah **Bùi Đức M**, sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Phú S, xã Tượng S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(Ah M có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)
- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ah Nguyễn Bá A có Ah Nguyễn Hữu C, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn Yên L, xã Thạch T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(Ah C có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ sở kinh doanh mua bán, cho thuê ô tô - mô tô - xe máy và dịch vụ cầm đồ PhA Gia (gọi tắt là cơ sở PhA Gia), có địa chỉ tại xã Thạch T và xã Thạch K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh do Ah Nguyễn Hữu C, sinh năm 1978, trú tại xã Thạch T, huyện H và Ah PhA Như H, sinh năm 1985, trú tại xã Thạch H, T phố H cùng góp vốn kinh doanh. Theo giấy đăng ký kinh doanh tại cơ sở PhA Gia ở xã Thạch K mAg tên Ah Nguyễn Bá A, sinh năm 1984, trú tại xã Đinh B, huyện H; đăng ký kinh doanh tại cơ sở PhA Gia ở xã Thạch T mAg tên chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, trú tại xã Thạch T, huyện H (chị T là vợ Ah Nguyễn Hữu C). Tuy nhiên, trên thực tế thì Ah Nguyễn Hữu C là người trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của 02 cơ sở PhA Gia nói trên.

Bản chất hoạt động của cơ sở PhA Gia là cho vay tiền có lãi suất, người vay khi mAg T1 sản là ô tô, mô tô, xe máy đến cơ sở PhA Gia thế chấp sẽ được xem xét cho vay số tiền tương ứng với giá trị của T1 sản. Việc cho vay tiền được hợp thức hóa bằng cách người vay sẽ ký hợp đồng bán xe cho cơ sở PhA Gia, sau đó cơ sở

PhA Gia ký hợp đồng cho người vay tiền thuê lại xe và lấy tiền thuê xe (thực chất là tiền lãi vay với mức từ 2.500 - 2.700 đồng/triệu đồng/ngày). Đồng thời người vay tiền pH để lại bản gốc giấy tờ tùy thân của cá nhân và giấy đăng ký của chiếc xe đó để làm tin nhưng được phép đưa xe về sử dụng.

Trong khoảng thời gian từ năm 2018- 2019, do biết rõ thủ tục vay tiền tại đây nhưng do Bùi Đức T chỉ sở hữu một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38M1 - 288.44 nên biết không thể vay được nhiều tiền. Vì vậy, Bùi Đức T đã nảy sinh ý định sẽ mượn xe mô tô của người khác, sau đó lên mạng xã hội thuê làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy tờ tùy thân theo yêu cầu của T với giá 700.000 đồng cho mỗi loại giấy tờ rồi sử dụng để lừa dối nhằm vay và chiếm đoạt tiền của các cơ sở PhA Gia.

Bằng thủ đoạn như trên từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019, Bùi Đức T đã 04 lần sử dụng các loại giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của cơ sở PhA Gia, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 8/2019, Bùi Đức T mượn xe mô tô biển kiểm soát 38M1-279.82 của Ah Bùi Đức T rồi đưa về nhà chụp ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 38M1-279.82 mà Ah T để trong cốp xe rồi trả lại xe cho Ah T. Sau đó, T gửi hình ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe của Ah T cho T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*” để thuê làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38M1-279.82 mAg tên chủ sở hữu là Nguyễn Ah T. Đồng thời, T gửi hình ảnh chân dung của T để thuê làm giả một giấy chứng M nhân dân mAg tên Nguyễn Ah T. Sau khoảng 7 ngày, T nhận được giấy chứng nhận đăng ký giả của xe mô tô biển kiểm soát 38M1- 279.82 và giấy chứng M nhân dân giả mAg tên Nguyễn Ah T.

Ngày 01/9/2019, Bùi Đức T mượn xe mô tô biển kiểm soát 38M1-279.82 của Ah Bùi Đức T sau đó đi đến cơ sở PhA Gia tại xã Thạch T, huyện H để vay tiền. Khi gặp chị Trần Thị T là nhân viên của cơ sở PhA Gia, T lấy tên giả Nguyễn Ah T để giao dịch. Chị T yêu cầu T đưa giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe để kiểm tra thì T đã đưa cho chị T một chứng M nhân dân giả số 183215315 mAg tên Nguyễn Ah T, sinh ngày 15/5/1994 và một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008642 mAg tên Nguyễn Ah T, xe nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu xAh xám, biển kiểm soát 38M1-279.82. Sau khi xem, đối chiếu với giấy tờ T mAg đến thấy thông tin trùng khớp thì chị T gọi điện trao đổi với Ah Nguyễn Hữu C và Ah C đồng ý cho T vay số tiền 12.000.000 đồng. Chị T soạn hợp đồng mua, bán xe và hợp đồng cho thuê xe đối với chiếc xe 38M1-279.82 để hợp thức hóa việc cho vay tiền, thời gian vay từ ngày 01/9/2019 đến ngày 30/9/2019, lãi suất 2.700đồng/triệu đồng/ngày rồi đưa cho T ký. Bùi Đức T đã ký giả tên Nguyễn Ah T và điểm chỉ ngón tay vào các Hợp đồng đó rồi để lại giấy chứng nhận đăng ký xe giả và giấy chứng M nhân dân giả đều mAg tên Nguyễn Ah T cho cơ sở PhA Gia giữ. Chị T trừ tiền lãi vay 30 ngày bằng 972.000 đồng rồi đưa cho T số tiền 11.028.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T điều khiển xe mô tô về trả lại cho Ah Bùi Đức T và cho Ah T 50.000 đồng để đồ xăng mà không nói cho Ah T biết nguồn gốc số tiền này.

Lần thứ hai: Ngày 02/9/2019, Bùi Đức T liên hệ với Ah Dương Văn T1 (là bạn của T) để mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38M1- 258.43 rồi T đưa xe này về nhà, cà lấy số khung, số máy rồi đưa xe trả lại cho Ah T1. Sau đó, T gửi thông tin của chiếc xe 38M1-258.43 cho T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*”, thuê làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 38M1-258.43 mAg tên chủ sở hữu là Nguyễn Ah T. Ngày 07/9/2019 sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả thì T đến mượn xe của Ah T1 rồi đi đến cơ sở PhA Gia ở xã Thạch T, huyện Thạch Hà để vay tiền. Tại đây, khi gặp chị Trần Thị T, T tiếp tục lấy tên giả Nguyễn Ah T để giao dịch, chị T yêu cầu T đưa giấy tờ xe để kiểm tra, T đưa cho chị T một giấy chứng nhận đăng ký xe số 008668 mAg tên Nguyễn Ah T, xe nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển kiểm soát 38M1 -258.43 (do lần trước T đã để lại giấy chứng M nhân dân giả mAg tên Nguyễn Ah T nên chị T không yêu cầu T để lại giấy tờ tùy thân). Sau khi kiểm tra, đối chiếu các thông tin thấy phù hợp, chị T gọi điện trao đổi với Ah Nguyễn Hữu C thì Ah C đồng ý cho T vay số tiền 10.000.000 đồng. Chị T soạn hợp đồng mua, bán xe và hợp đồng cho thuê xe đối với chiếc xe biển kiểm soát 38M1-258.43 để hợp thức hóa việc cho vay tiền, thời giA vay từ ngày 07/9/2019 đến ngày 30/9/2019, lãi suất 2.700 đồng/triệu đồng/ngày rồi đưa các hợp đồng cho T ký. T đã ký giả tên Nguyễn Ah T và điểm chỉ ngón tay của T vào các hợp đồng đó. T để lại một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38M1-258.43 mAg tên Nguyễn Ah T cho cơ sở PhA Gia giữ. Chị T trừ tiền lãi vay 24 ngày bằng 648.000 đồng và đưa cho Bùi Đức T số tiền 9.352.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T điều khiển xe về trả lại cho Ah Dương Văn T1.

Lần thứ ba: Khoảng giữa tháng 9/2019, T tiếp tục có ý định vay tiền tại cơ sở PhA Gia nên thuê T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*” làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38M1 - 279.82 mAg tên Bùi Đức T (chiếc xe này là của Ah Bùi Đức T mà T sử dụng vay tiền lần thứ nhất). Do ngày 01/9/2019, Bùi Đức T đã sử dụng xe mô tô 38M1- 279.82 để vay tiền tại cơ sở PhA Gia xã Thạch T và để lại giấy chứng nhận đăng ký xe giả mAg tên Nguyễn Ah T nên Bùi Đức T biết nếu tiếp tục vay tiền tại cơ sở PhA Gia xã Thạch T thì sẽ bị lộ nên T chọn cơ sở PhA Gia ở xã Thạch K để vay tiền. Ngày 20/9/2019, sau khi đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, T mượn xe mô tô của Ah T rồi đi đến cơ sở PhA Gia tại xã Thạch K, huyện H để vay tiền. Tại đây, khi gặp chị Nguyễn Thị N là nhân viên của cơ sở PhA Gia, T sử dụng tên thật là Bùi Đức T để giao dịch. Chị N yêu cầu T đưa giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe để kiểm tra thì T đưa ra một giấy chứng M nhân dân thật mAg tên Bùi Đức T và một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mAg tên Bùi Đức T. Sau khi kiểm tra, đối chiếu thông tin thấy phù hợp, chị N gọi điện thoại trao đổi với Ah Nguyễn Hữu C thì Ah C đồng ý cho Bùi Đức T vay số tiền 25.000.000 đồng. Chị N soạn hợp đồng mua, bán xe và hợp đồng cho thuê xe đối với chiếc xe 38M1- 279.82 để hợp thức hóa việc cho vay tiền, thời giA vay từ ngày 20/9/2019 đến ngày 19/10/2019, lãi suất 2.500đồng/triệu đồng/ngày rồi đưa cho Bùi Đức T ký. T đã ký tên thật là Bùi Đức T và điểm chỉ ngón tay của T vào các hợp đồng đó, đồng thời T để lại giấy chứng M nhân dân thật và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả đều mAg tên Bùi Đức T cho cơ sở PhA

Gia giữ. Chị N trừ tiền lãi vay 30 ngày bằng 1.875.000 đồng và đưa cho T số tiền 23.125.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T điều khiển xe về trả lại cho Ah Bùi Đức T và cho Ah T 150.000 đồng để đồ xăng mà không nói cho Ah T biết nguồn gốc số tiền này.

Một thời giA sau, Bùi Đức T cần giấy chứng M nhân dân để giao dịch nên T đã thuê T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*” làm giả một giấy phép lái xe hạng A1, số AE747224 mAg tên Bùi Đức T rồi đưa giấy phép lái xe giả này đến cơ sở PhA Gia xã Thạch K đổi lấy giấy chứng M nhân dân thật mAg tên Bùi Đức T đã đặt ở đây.

Lần thứ tư: Khoảng đầu tháng 11/2019, Bùi Đức T tiếp tục thuê T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*” làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đối với chiếc xe biển kiểm soát 38M1- 288.44 của chính mình chủ sở hữu. Vì trong các ngày 01/9/2019 và 07/9/2019, T đã hai lần dùng tên giả Nguyễn Ah T để vay tiền tại cơ sở PhA Gia xã Thạch T nên T không thể sử dụng tên thật của mình để vay tiền tiếp. Do đó, ngày 09/11/2019 khi nhận được giấy đăng ký xe mô tô giả nói trên thì T rủ Ah Bùi Đức T đi cùng T đến cơ sở PhA Gia xã Thạch T, T không nói mục đích của T cho Ah T biết nên Ah T đồng ý đi cùng T. Sau đó, T điều khiển xe chở Ah Bùi Đức T đến cơ sở PhA Gia ở xã Thạch T, huyện Thạch Hà để vay tiền. Đến nơi, T vẫn lấy tên giả Nguyễn Ah T để trực tiếp giao dịch với chị Trần Thị T, T nói dối chị T rằng người đi cùng mình là Bùi Đức T đAg cần vay một khoản tiền, có mAg theo xe mô tô đến. Quá trình T trao đổi với chị T thì Ah Bùi Đức T ngồi chờ ở ghế Sôpha nên không biết nội dung cuộc nói chuyện đó. T đưa cho chị T xem một giấy chứng M nhân dân thật của T và một Giấy đăng ký xe mô tô 38M1-288.44 mAg tên Bùi Đức T. Sau khi kiểm tra, đối chiếu thông tin thấy phù hợp, chị T gọi điện thoại trao đổi với Ah Nguyễn Hữu C và Ah C đồng ý cho T vay 10.000.000 đồng. Chị T soạn hợp đồng mua, bán xe và hợp đồng cho thuê xe đối với chiếc xe 38M1-288.44 để hợp thức hóa việc cho vay tiền, thời giA vay từ ngày 09/11/2019 đến ngày 28/11/2019, lãi suất 2.700 đồng/triệu đồng/ngày rồi đưa cho T. T đi đến vị trí Ah T đAg ngồi, nói dối Ah T là tay T bị đau, nhờ Ah T ký giúp tên của T vào các hợp đồng nói trên, do tin tưởng T nên Ah T đã ký tên Bùi Đức T và điểm chỉ ngón tay của Ah T vào các hợp đồng nói trên. T để lại giấy chứng M nhân dân thật của T mAg tên Bùi Đức T và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mAg tên Bùi Đức T cho cơ sở PhA Gia giữ. Chị T trừ tiền lãi vay 20 ngày bằng 540.000 đồng và đưa cho T 9.460.000 đồng.

Đến ngày 06/12/2019, Bùi Đức T tiếp tục đến cơ sở PhA Gia xã Thạch T giả dAh là Nguyễn Ah T rồi nói với chị Trần Thị T là Ah Bùi Đức T cần giấy chứng M nhân dân để giao dịch nên T đã lấy lại giấy chứng M nhân dân tên Bùi Đức T nói trên, chỉ để lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 38M1-288.44.

Tổng số tiền 04 lần Bùi Đức T vay tại cơ sở PhA Gia ở xã Thạch T và xã Thạch K, huyện Thạch Hà sau khi trừ đi số tiền lãi trả trước là 52.965.000 đồng. Số tiền này T đã sử dụng 30.000.000 đồng nộp tiền học phí học tiếng Nhật tại Trung

tâm đào tạo của Công ty Văn M (Nghệ A); 13.000.000 đồng trả nợ tiền vay dịch vụ FE CREDIT; số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình vay tiền của cơ sở PhA Gia, khi hết thời hạn vay ghi trong mỗi hợp đồng, Bùi Đức T vẫn tiếp tục trả tiền lãi vay và một phần tiền gốc cho cơ sở PhA Gia nhằm tạo lòng tin và tránh áp lực đòi nợ từ cơ sở PhA Gia. Cụ thể như sau: Khoản vay ngày 01/9/2019, Bùi Đức T đã trả tiền lãi từ ngày 01/9/2019 đến ngày 18/3/2020 với số tiền 6.497.0000 đồng và trả tiền gốc 2.000.000 đồng. Tổng bằng 8.497.0000 đồng; Khoản vay ngày 07/9/2019, Bùi Đức T đã trả tiền lãi từ ngày 07/9/2019 đến ngày 18/3/2020 là 5.238.000 đồng; Khoản vay ngày 20/9/2019, Bùi Đức T đã trả tiền lãi từ ngày 20/9/2019 đến ngày 26/4/2020 là 13.750.000 đồng; Khoản vay ngày 09/11/2019, Bùi Đức T đã trả tiền lãi từ ngày 09/11/2019 đến ngày 29/4/2020 là 4.671.000 đồng. Như vậy, Bùi Đức T đã trả cho cơ sở PhA Gia 2.000.000 đồng tiền gốc và tổng số 30.156.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền mà T đã trả cho cơ sở PhA Gia là 32.156.000đ.

Đến khoảng tháng 5/2020, cơ sở PhA Gia phát hiện được Bùi Đức T sử dụng giấy tờ giả để vay tiền nên đã đến nhà yêu cầu T trả lại số tiền gốc đã vay nhưng do T không có việc làm, không có thu nhập và bị mất khả năng trả nợ nên khoảng tháng 7/2020 T bỏ trốn khỏi địa phương. Đến tháng 10/2020, đại diện cơ sở PhA Gia đã đến cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Thạch Hà tố giác hành vi nói trên của Bùi Đức T.

Khoảng đầu năm 2021, Ah Pha Như H báo cho Bùi Đức T biết thông tin T bị Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Thạch Hà khởi tố về tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức”, yêu cầu T trả tiền thì sẽ rút đơn tố cáo nên ngày 18/01/2021, T đã chuyển khoản trả cho cơ sở PhA Gia 5.500.000 đồng và ngày 21/02/2021, T tiếp tục chuyển khoản trả cho cơ sở PhA Gia thêm 4.000.000 đồng. Sau đó, Bùi Đức T cắt đứt liên lạc với Ah Pha Như H.

Ngày 23/10/2020 Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Thạch Hà đã ra quyết định trưng cầu giám định số 67/CSĐT đến phòng kỹ thuật hình sự để giám định dấu vân tay trên các hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe.

*Tại bản kết luận giám định số 191/PC09-KTHS, ngày 30/10/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Hà Tĩnh có kết luận:

+ Dấu vân điểm chỉ trên hợp đồng mua bán xe máy 38M1- 279.82 và trên hợp đồng cho thuê xe máy 38M1- 279.82 đều đề ngày 01/9/2019 là dấu vân tay ngón cái pH của Bùi Đức T;

+ Dấu vân điểm chỉ trên hợp đồng mua bán xe máy 38M1- 258.43 và trên hợp đồng cho thuê xe máy 38M1- 258.43 đều đề ngày 07/9/2019 là dấu vân tay ngón trỏ pH của Bùi Đức T;

+ Dấu vân điểm chỉ trên hợp đồng mua bán xe máy 38M1- 279.82 và trên hợp đồng cho thuê xe máy 38M1- 279.82 đều đề ngày 20/9/2019 là dấu vân tay ngón cái trái của Bùi Đức T;

+ Dấu vân điểm chỉ trên hợp đồng mua bán xe máy 38M1- 288.44 và trên hợp đồng cho thuê xe máy 38M1- 288.44 đều đề ngày 09/11/2019 là dấu vân tay ngón cái pH của Bùi Đức T.

- Ngày 30/10/2020 Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Thạch Hà đã ra quyết định trưng cầu giám định số 68/CSĐT đến phòng kỹ thuật hình sự để giám định 06 giấy chứng nhận đăng ký xe máy và 01 giấy chứng M nhân dân thu giữ được.

*Tại bản kết luận giám định số 193/PC09-KTHS của phòng Kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Hà Tĩnh kết luận:

+ Giấy chứng M nhân dân mAg tên Nguyễn Ah T và giấy chứng nhận đăng ký xe máy 38M1- 279.82 mà Bùi Đức T để lại cơ sở PhA Gia ngày 01/9/2019 là giả;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 38M1- 258.43 mà Bùi Đức T để lại cơ sở PhA Gia ngày 07/9/2019 là giả;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 38M1- 279.82 mà Bùi Đức T để lại cơ sở PhA Gia ngày 20/9/2019 là giả;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe máy 38M1- 288.44 mà Bùi Đức T để lại cơ sở PhA Gia ngày 09/11/2019 là giả.

Ngày 22/10/2020 Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Tĩnh đã có công văn số 3606 xác định: Giấy phép lái xe hạng A1, số AE747224 mà Bùi Đức T để lại tại cơ sở PhA Gia không có trong hệ thống quản lý.

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, vào ngày 23/7/2021 Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà đã có Công văn số 70/CV- TA, về việc đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà yêu cầu cơ quA điều tra trưng cầu giám định đối với Giấy phép lái xe thu giữ từ bị cáo Bùi Đức T.

Ngày 28/7/2021 Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Thạch Hà đã ra quyết định trưng cầu giám định số 82/CSĐT đến phòng kỹ thuật hình sự để giám định Giấy phép lái xe thu giữ được.

*Tại bản kết luận giám định số 33/PC09-TL, ngày 05/8/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Giấy phép lái xe hạng A1 số AE 747224, đề tên Bùi Đức T là giả.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008642 mAg tên Nguyễn Ah T, xe nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu xAh xám, số khung 0610HY548344, số máy G3D4B572674, biển kiểm soát 38M1 - 279.82; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008668 mAg tên Nguyễn Ah T, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, số khung JAF90XHY248016, số máy JA39E-0248067, màu đen xám, biển kiểm soát 38M1- 258.43; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008222 mAg tên Bùi Đức T, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu xAh xám, số khung 0610HY548344, số máy G3D4B572674, biển kiểm soát 38M1- 279.82; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 022916 mAg tên Bùi Đức T, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số khung 3240JY143033, số máy B3X9B094433, màu đen xám, biển kiểm soát 38M1 - 288.44; 01 chứng M nhân dân

giả số 183215315 mAg tên Nguyễn Ah T, sinh ngày 15/5/1994, hộ khẩu thường trú: Phú Sơn, Tượng Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 giả số AE747224, mAg tên Bùi Đức T. Các vật chứng nói trên được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền gốc mà Bùi Đức T đã trả cho cơ sở PhA Gia là 41.656.000 đồng. Số tiền còn lại 11.309.000 đồng, ngày 09/4/2021 Ah Bùi Đức M (Ah trai của bị cáo) đã thay mặt bị cáo trả lại đầy đủ cho đại diện cơ sở PhA Gia là Ah Nguyễn Hữu C. Đến nay, người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-TH, ngày 08/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đã truy tố bị cáo Bùi Đức T về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA tổ chức” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341BLHS

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quA điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55BLHS, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt từ 54 đến 60 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 174 BLHS xử phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền từ 10 đến 15 triệu đồng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”(do có mục đích chiếm đoạt T1 sản). Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo về tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức” do bị cáo không có nghề nghiệp.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy các vật chứng là T1 liệu giả gồm: 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 giấy chứng M nhân dân và 01 giấy phép lái xe mà bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Về án phí bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Đức T không có ý kiến gì trAh luận với quA điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA Ah Bùi Đức T trình bày: Ah hoàn toàn đồng tình với quA điểm đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì trAh luận thêm.

Bị cáo Bùi Đức T nói lời nói sau cùng: Kính thưa Hội đồng xét xử bị cáo biết hành vi mình thực hiện là sai trái vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA điều tra Công A huyện Thạch Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Bùi Đức T khai nhận: Trong khoảng thời giA từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019 Bùi Đức T đã 03 lần mượn xe mô tô của người khác và 01 lần sử dụng xe mô tô của mình sau đó sử dụng giấy đăng ký và giấy chứng M thư nhân dân giả để đi thế chấp vay tiền tại cơ sở PhA Gia ở xã Thạch T và xã Thạch K huyện Thạch Hà. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của hai cơ sở PhA Gia là 52.965.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quA, phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với các T1 liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc sử dụng xe mô tô của người khác rồi làm các giấy tờ giả để đi thế chấp vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt T1 sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T các tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản” và tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 BLHS. Điều đó khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật, không oA sai.

[3]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của nhân viên cơ sở PhA Gia không kiểm tra kỹ các giấy tờ xe khi bị cáo mAg đến để thế chấp vay tiền, bằng thủ đoạn giA dối bị cáo đã sử dụng các giấy tờ giả đồng thời mượn xe của người khác đem đến cơ sở PhA Gia để làm tin nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt T1 sản của người khác. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu T1 sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây Tệt hại về mặt vật chất cho bị hại. Không những vậy hành vi sử dụng giấy tờ giả của bị cáo còn xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường đúng đắn của các cơ quA nhà nước, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước, đồng thời xâm phạm tình trạng ổn định trong sinh hoạt chung của xã hội. Hơn nữa, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh trách nhiệm, gây khó khăn cho công tác điều tra. Chính vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần pH xử phạt thật nghiêm, cần pH cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời giA dài mới có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở T người công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản” bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ “02 lần” trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Đối với tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA tổ chức” bị cáo có tình tiết tăng nặng định khung là “sử dụng T1 liệu giả để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là đã tác động với gia đình bồi thường đầy đủ khắc phục hậu quả Tệ hại cho bị hại, T khẩn khai báo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”, bị cáo có mục đích chiếm đoạt T1 sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Còn tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức” do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra đã chứng M được số tiền mà bị cáo Bùi Đức T đã trả cho cơ sở PhA Gia là 41.656.000đ. Số tiền còn lại 11.309.000đ đến ngày 09/04/2021 Ah trai của bị cáo là Ah Bùi Đức M đã đứng ra thay bị cáo bồi thường đầy đủ cho người bị hại. Đến nay việc bồi thường dân sự đã được các bên thỏa T thực hiện xong, nay không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quA điều tra đã thu giữ: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008642 mAg tên Nguyễn Ah T xe nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008668 mAg tên Nguyễn Ah T, nhãn hiệu Honda, số loại Wave; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008222 mAg tên Bùi Đức T, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 022916 mAg tên Bùi Đức T, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius; 01 chứng M nhân dân giả số 183215315 mAg tên Nguyễn Ah T; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 giả số AE747224, mAg tên Bùi Đức T.

Xác định đây là các giấy tờ, T1 liệu giả mà bị cáo đã sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nhưng lại là các T1 liệu chứng cứ, chứng M tội phạm, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy rằng không tịch thu tiêu hủy mà cần được lưu giữ và bảo quản cùng hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo PH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Liên quA trong vụ án này còn có Ah Dương Văn T1 là người cho bị cáo Bùi Đức T mượn xe mô tô biển kiểm soát 38M1- 258.43 để T sử dụng đi đến cơ sở PhA Gia xã Thạch T thế chấp vay tiền. Tuy nhiên, khi cho mượn xe, Ah T1 không biết mục đích mượn xe của bị cáo và cũng không được hưởng lợi gì. Vì vậy, không có căn cứ xử lý đối với Ah Dương Văn T1.

Đối với Ah Bùi Đức T là người cho bị cáo Bùi Đức T mượn xe mô tô biển kiểm soát 38M1- 279.82 để T sử dụng đi đến cơ sở PhA Gia thế chấp vay tiền. Đồng thời còn là người đi cùng bị cáo T đến cơ sở PhA Gia xã Thạch T vay tiền vào ngày

09/11/2019, thay T ký giả tên Bùi Đức T vào các hợp đồng. Tuy nhiên, do có mối quA hệ họ hàng nên Ah T tin tưởng bị cáo và cũng không biết được mục đích những việc làm của bị cáo. Bản thân Ah T được bị cáo T cho số tiền 150.000 đồng nhưng khi cho bị cáo chỉ nói là cho tiền đồ xăng vì mượn xe chứ không nói nguồn gốc số tiền đó cho Ah T biết. Vì vậy, cũng không có căn cứ xử lý đối với Ah Bùi Đức T.

Đối với T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*” mà Bùi Đức T khai đã thuê làm các giấy tờ giả, do T không biết dAh tính, địa chỉ người sử dụng T1 khoản Facebook này, mặt khác các thông tin liên lạc, trao đổi qua lại giữa hai bên T đã xóa hết, T cũng không còn sử dụng chiếc điện thoại di động dùng để liên lạc với T1 khoản Facebook “*Làm giấy tờ toàn quốc*” này nữa. Vì vậy, cơ quA điều tra không có đủ thông tin để xác định dAh tính người đã làm các giấy tờ giả cho Bùi Đức T.

Đối với việc cơ sở kinh doanh PhA Gia cho Bùi Đức T vay tiền có thu lãi, với lãi suất từ 2.500 đồng/triệu đồng/ngày (bằng 7,5%/tháng) đến 2.700 đồng/triệu đồng/ngày (bằng với 8,1%/tháng) là chưa cấu T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Đồng thời, tại các thời điểm cơ sở PhA Gia cho Bùi Đức T vay tiền thì N hàng nhà nước Việt Nam không công bố lãi suất cơ bản. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với cơ sở PhA Gia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về hình phạt chính:* Tuyên bố bị cáo **Bùi Đức T** phạm các tội “**Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản**” và tội “**Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức**”.

- Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm g, khoản 2 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Bùi Đức T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”.

- Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Bùi Đức T 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức”.

- Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt trong khi xét xử một lần một người phạm nhiều tội: Buộc bị cáo **Bùi Đức T** pH chấp hành **05(Năm)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản” và tội “Sử dụng T1 liệu giả của cơ quA, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 19/4/2021.

[2]. *Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng Điều 35; Khoản 5 Điều 174 BLHS phạt bổ sung bị cáo Bùi Đức T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để nộp N sách Nhà nước.

[3]. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc bị cáo Bùi Đức T pH chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. *Về quyền kháng cáo bản án*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qua, người được người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qua ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công A tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Công A huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qua;
- Văn phòng Tòa án (Để công bố CTTĐT)
- Lưu HSVA+VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Hoàn